

Nội dung bài viết

1. [Hướng dẫn giải bài tập SBT Sinh học lớp 11 trang 75 đầy đủ nhất](#)

Hướng dẫn giải bài tập SBT Sinh học lớp 11 trang 75 đầy đủ nhất

Bài tập trắc nghiệm trang 75 SBT Sinh 11:

Chọn phương án đúng hoặc đúng nhất trong mỗi câu sau.

1. Ở thực vật Hai lá mầm, thân và rễ dài ra là nhờ hoạt động của

- A. mô phân sinh đỉnh.
- B. mô phân sinh bên.
- C. mô phân sinh lóng
- D. mô phân sinh cành

2. Kết quả sinh trưởng sơ cấp là

- A. làm cho thân, rễ cây dài ra do hoạt động của mô phân sinh đỉnh
- B. tạo mạch rây thứ cấp, gỗ dác, gỗ lõi.
- C. tạo lóng do hoạt động của mô phân sinh lóng.
- D. tạo biểu bì, tầng sinh mạch, gỗ sơ cấp, mạch rây sơ cấp.

3. Kết quả sinh trưởng thứ cấp của thân tạo

- A. biểu bì, tầng sinh mạch, gỗ sơ cấp, mạch rây sơ cấp.
- B. gỗ thứ cấp, tầng sinh bần, mạch rây thứ cấp, gỗ dác, gỗ lõi.
- C. biểu bì, tầng sinh mạch, gỗ sơ cấp, mạch rây thứ cấp.
- D. tầng sinh mạch, vỏ gỗ sơ cấp, mạch rây thứ cấp.

4. Ở thực vật, gibêrelin có tác dụng

- A. tăng số lần nguyên phân, kích thích tăng trưởng chiều cao của cây.

- B. kích thích nảy mầm của hạt.
- C. kích thích phân chia tế bào và kích thích sinh trưởng chồi bên
- D. kích thích ra rễ phụ.

Đáp án:

1. A 2. A 3. B 4. A

Bài tập trắc nghiệm trang 76 SBT Sinh 11:

5. Ở thực vật, hoocmôn có vai trò thúc quả chóng chín là

- A. axit abxixic.
- B. xitôkinin.
- C. êtilen.
- D. auxin.

6. Đặc điểm nào dưới đây không đúng với auxin?

- A. vận chuyển không cần năng lượng.
- B. vận chuyển theo mạch rây và mạch gỗ
- C. chủ yếu được sinh ra ở đỉnh thân và cành.
- D. có nhiều trong chồi, hạt đang nảy mầm.

7. Kết luận không đúng về chức năng của auxin là

- A. thúc đẩy sự phát triển của quả.
- B. kích thích hình thành và kéo dài rễ
- C. kích thích vận động hướng sáng, hướng đất.
- D. thúc đẩy sự ra hoa.

8. Kết luận không đúng về chức năng của xitôkinin là

- A. thúc đẩy sự phát triển của quả.
- B. kích thích sự phân chia tế bào ch ồi (mô phân sinh).
- C. thúc đẩy sự nảy m ầm và sự ra hoa.
- D. thúc đẩy sự tạo ch ồi bên.

9. Gibêrelin có chức năng chính là

- A. kéo dài thân ở cây gỗ.
- B. ức chế phân chia tế bào.
- C. đóng mở lỗ khí
- D. sinh trưởng ch ồi bên.

10. Thực vật Hai lá m ầm có các

- A. mô phân sinh đỉnh và lóng.
- B. mô phân sinh đỉnh và bên.
- C. mô phân sinh đỉnh thân và rễ.
- D. mô phân sinh lóng và bên.

Đáp án:

5. C 6. A 7. D 8. A 9. A 10. B

Bài tập trắc nghiệm trang 77 SBT Sinh 11:

11. Thực vật Một lá m ầm có các

- A. Mô phân sinh đỉnh và lóng
- B. Mô phân sinh lóng và bên
- C. Mô phân sinh đỉnh và bên
- D. Mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ.

12. có thể xác định tuổi của cây thân gỗ dựa vào

- A. Vòng năm
- B. Tầng sinh mạch
- C. Tầng sinh vỏ
- D. Các tia gỗ

13. loại mô phân sinh chỉ có ở cây Một lá mầm là

- A. Mô phân sinh bên
- B. Mô phân sinh đỉnh thân
- C. Mô phân sinh lóng
- D. Mô phân sinh đỉnh rễ

14. Loại mô phân sinh chỉ có ở cây Hai lá mầm là

- A. Mô phân sinh bên
- B. Mô phân sinh đỉnh thân
- C. Mô phân sinh đỉnh rễ
- D. Mô phân sinh lóng

15. Loại mô phân sinh không có ở cây lúa là

- A. Mô phân sinh bên
- B. Mô phân sinh đỉnh thân
- C. Mô phân sinh đỉnh rễ
- D. Mô phân sinh lóng

16. Loại mô phân sinh không có ở cây phượng là

- A. Mô phân sinh đỉnh rễ

- B. Mô phân sinh bên
- C. Mô phân sinh lóng
- D. Mô phân sinh đỉnh thân

Đáp án:

11. A 12. A 13. C 14. A 15. A 16. C

Bài tập trắc nghiệm trang 78 SBT Sinh 11:

17. Thực vật Một lá mầm sống lâu năm nhưng chỉ ra hoa một lần là

- A. Tre
- B. Lúa
- C. Cau
- D. Dừa

18. Thực vật Một lá mầm sống lâu năm và ra hoa nhiều lần là

- A. Tre
- B. Lúa
- C. Cau
- D. Dừa

19. Trong sản xuất nông nghiệp, khi sử dụng các chất điều hoà sinh trưởng cần chú ý nguyên tắc quan trọng nhất là

- A. nồng độ sử dụng tối thích.
- B. thoả mãn nhu cầu về nước, phân bón và khí hậu.
- C. tính đối kháng hỗ trợ giữa các phitôcrôm.
- D. các điều kiện sinh thái liên quan đến cây trồng.

20. Nhân tố không điều tiết sự ra hoa là

- A. hàm lượng O₂.
- B. tuổi của cây.
- C. xuân hoá.
- D. quang chu kì.

21. Xuân hoá là mối phụ thuộc của sự ra hoa vào

- A. độ dài ngày.
- B. tuổi cây.
- C. quang chu kì.
- D. nhiệt độ.

22. Quang chu kì là sự ra hoa phụ thuộc vào

- A. độ dài ngày và đêm.
- B. tuổi của cây.
- C. độ dài ngày
- D. độ dài đêm.

23. Thời gian sáng trong quang chu kì có vai trò

- A. tăng số lượng, kích thước hoa.
- B. kích thích ra hoa.
- C. cảm ứng ra hoa.
- D. tăng chất lượng hoa.

24. Thời gian tối trong quang chu kì có vai trò

- A. tăng số lượng hoa.
- B. kích thích ra hoa.

C. cảm ứng ra hoa.

D. tăng chất lượng hoa.

25. Điều không đúng ứng dụng quang chu kì trong sản xuất nông nghiệp là

A. nhập nội cây trồng

B. kích thích hoa và quả có kích thước lớn.

C. lai giống.

D. bố trí thời vụ.

Đáp án:

17. A 18. B 19. A 20. A 21. D 22. A 23. A 24. C 25. B

Bài tập trắc nghiệm trang 79 SBT Sinh 11:

26. Nhân tố bên ngoài tác động lên hầu hết các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở thực vật là

A. nước.

B. nhiệt độ

C. ánh sáng.

D. phân bón.

27. Nhân tố bên ngoài có vai trò là nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho cấu trúc tế bào và các quá trình sinh lí diễn ra trong cây là

A. ánh sáng.

B. phân bón.

C. nhiệt độ.

D. nước.

28. Nhân tố có vai trò quyết định ở giai đoạn nảy mầm của hạt, chồi và là

A. nhiệt độ.

B. ánh sáng.

C. nước.

D. phân bón.

Đáp án:

26. A 27. B 28. A